

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà

Ngày 30/09/2025	10,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	75.8%	160.1

DT thuần Q3/25
10.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0 -62.2%
YoY: ▼8.10 -43.9%

LN thuần Q3/25
1.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.44 132%
YoY: ▲ 0.04 3.3%

LN sau thuế Q3/25
0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.12 107%
YoY: ▼1.14 -88.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.8%
YoY: +/-▼ 2.9%

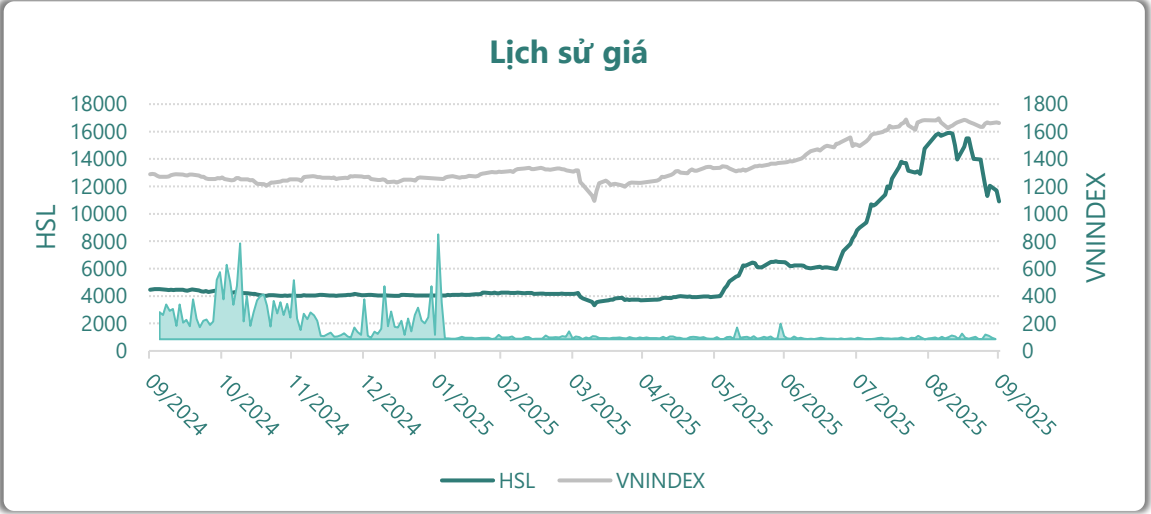
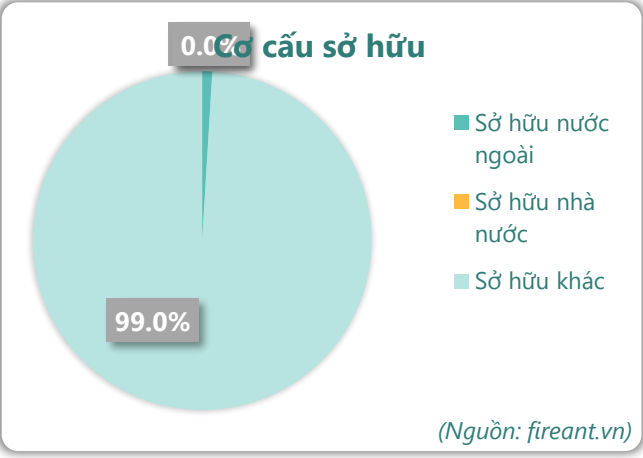
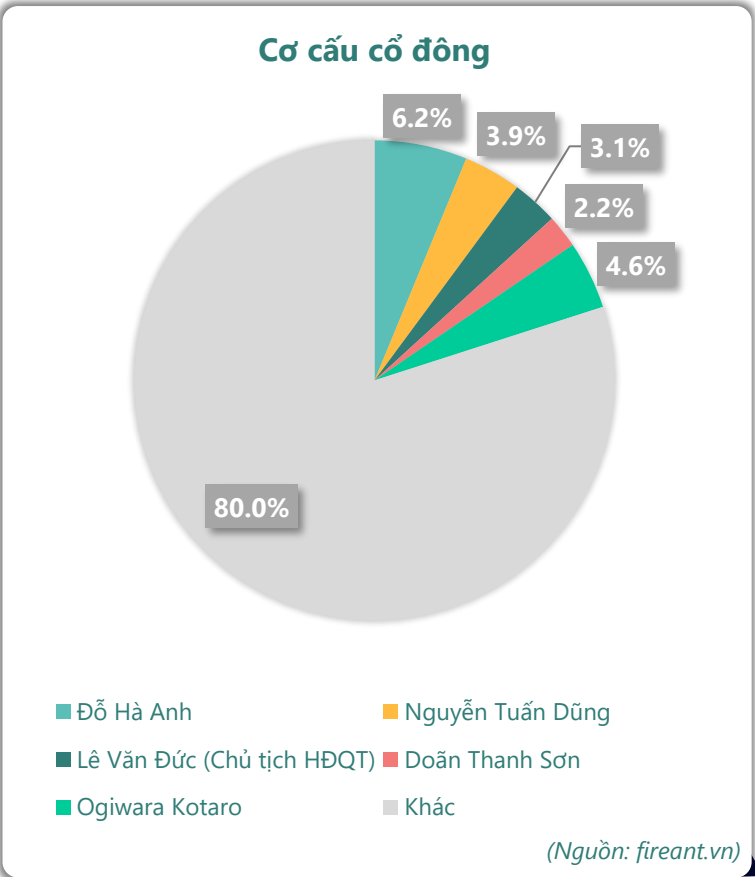
ROE (TTM) Q3/25
0.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,330 - 15,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	420
Số lượng CPLH (CP)	38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,160,905
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.68
EPS	52
P/E	208.7

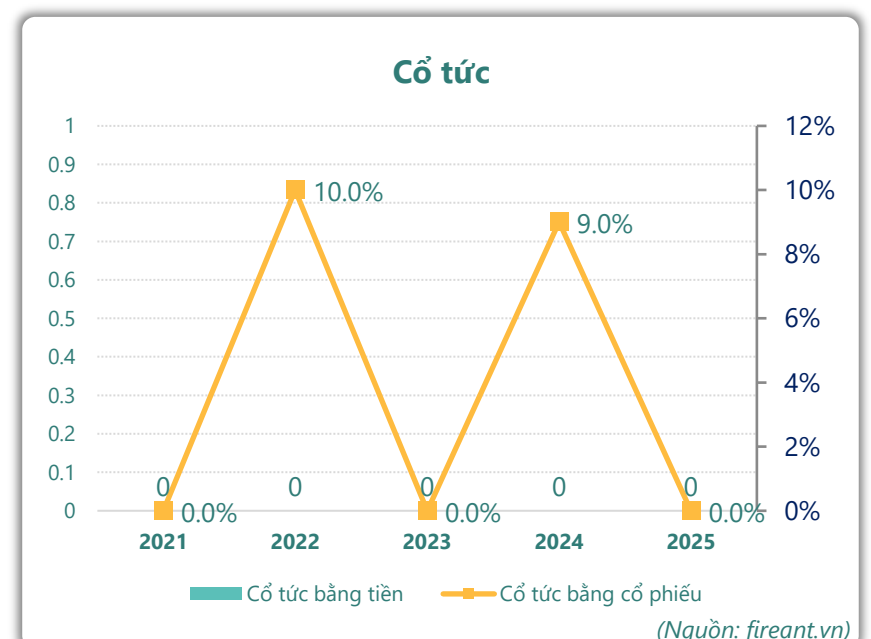
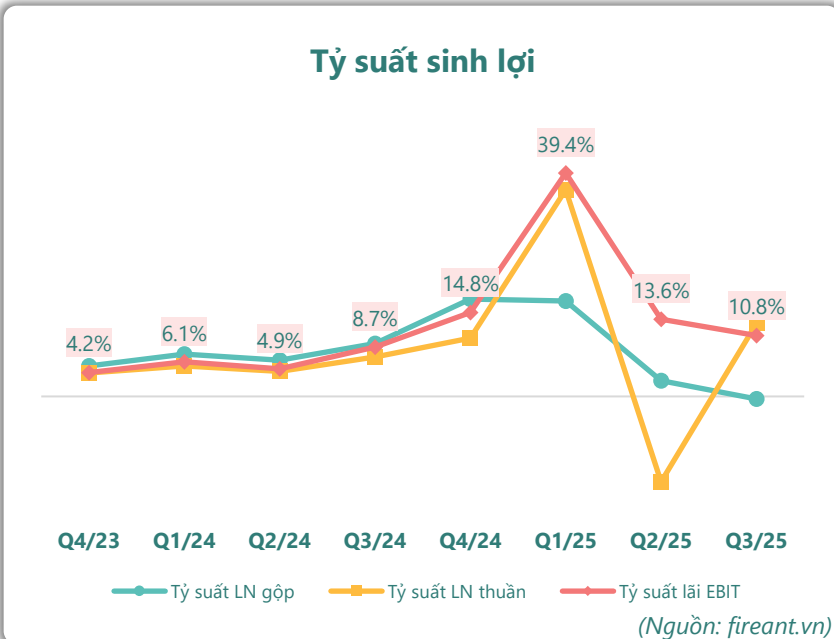
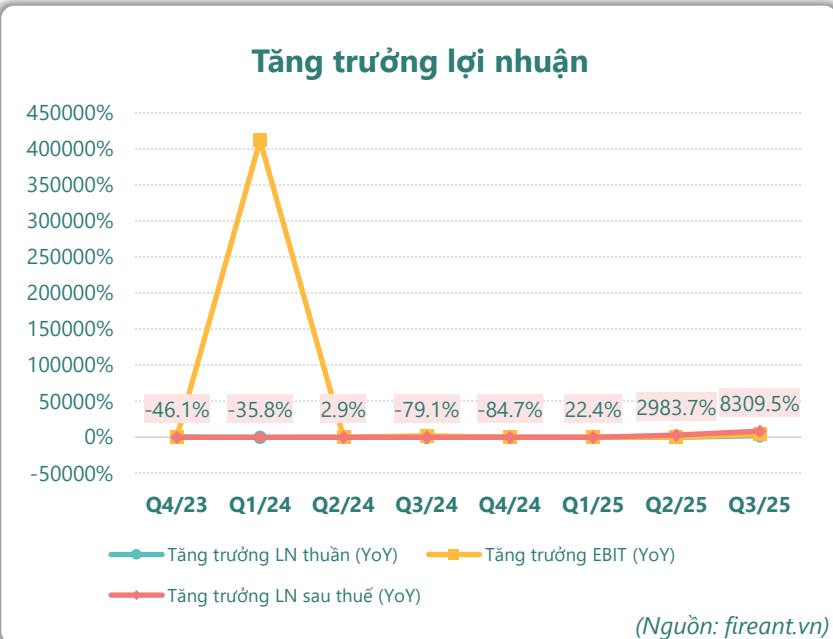
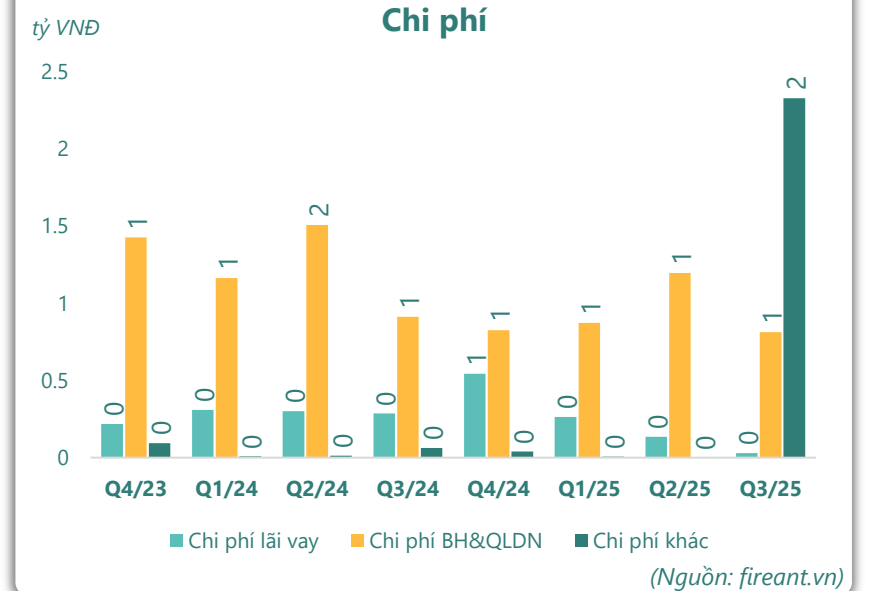
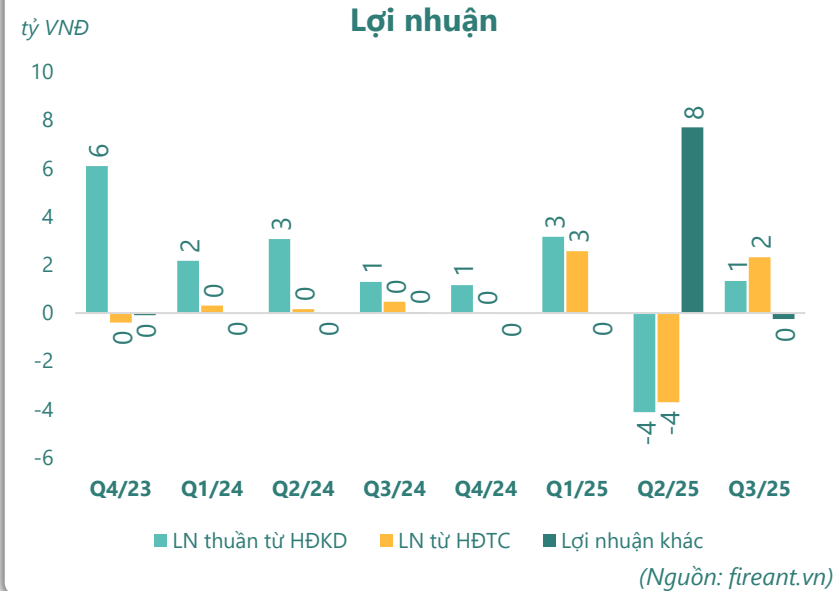
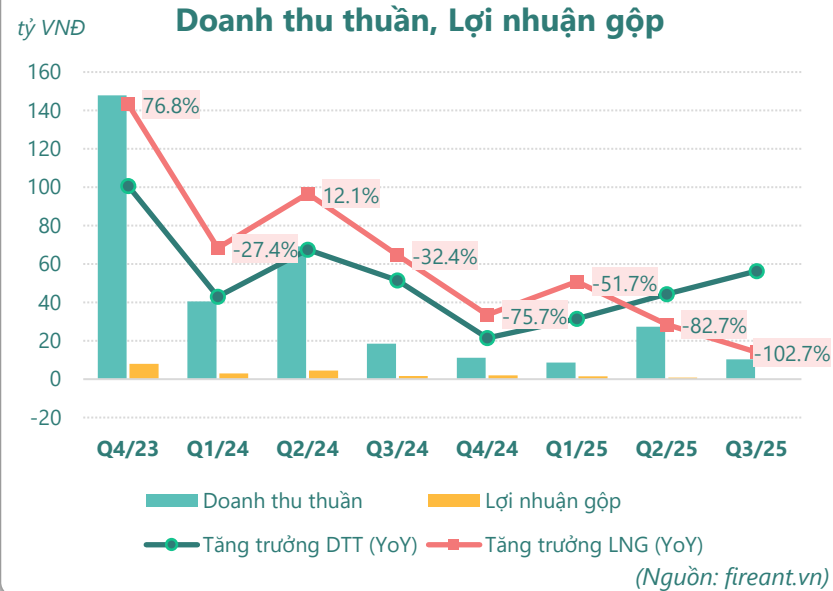
DT thuần 9T 2025
46.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼81.7 -63.9%

LN thuần 9T 2025
0.38
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.14 -94.2%

LN sau thuế 9T 2025
1.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.08 -81.9%



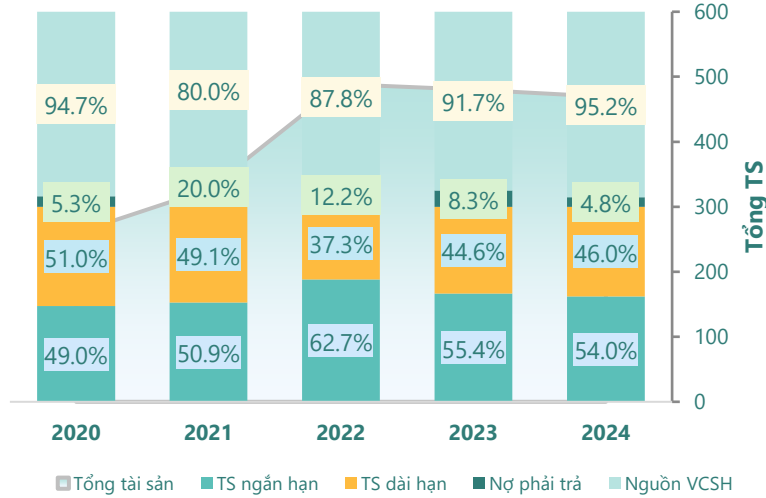
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

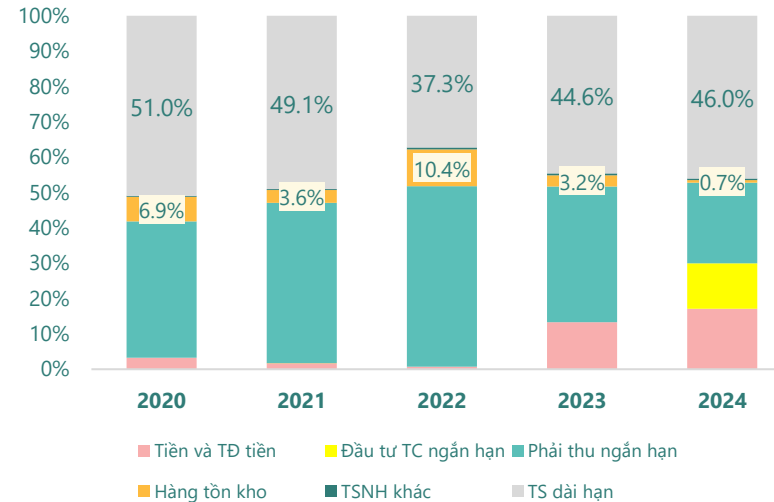
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

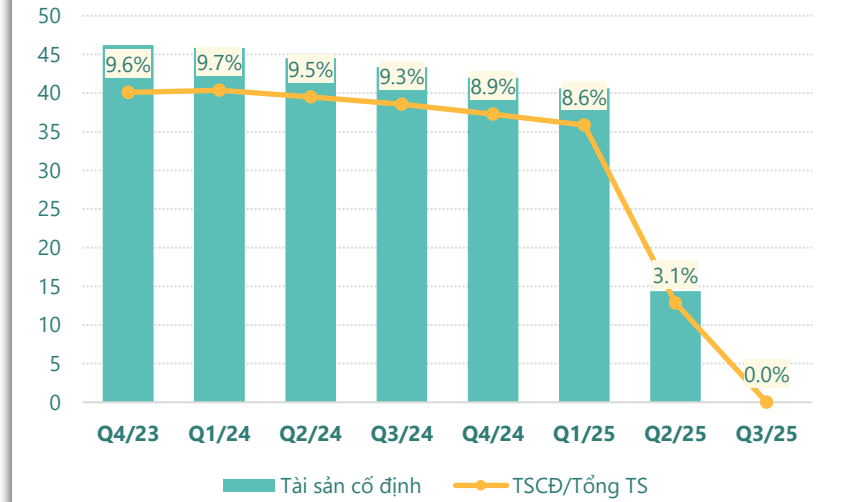
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

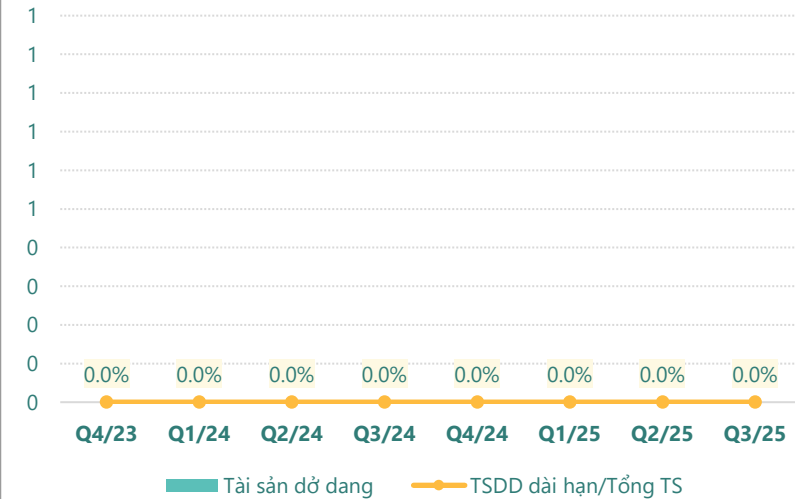
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

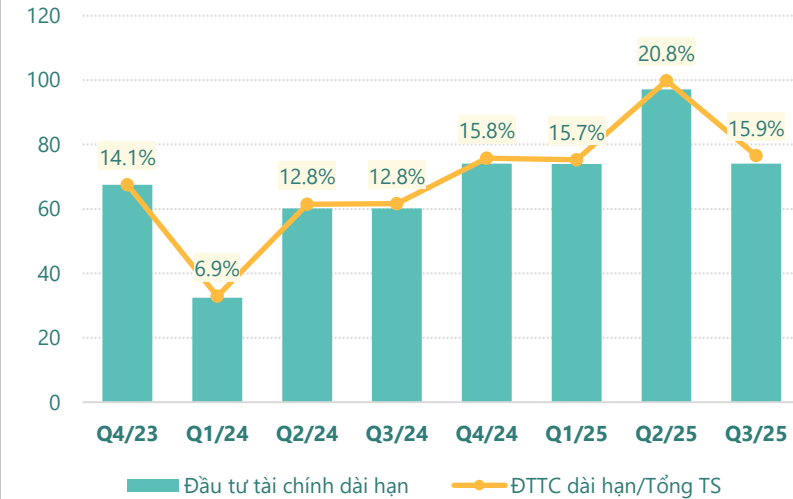
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

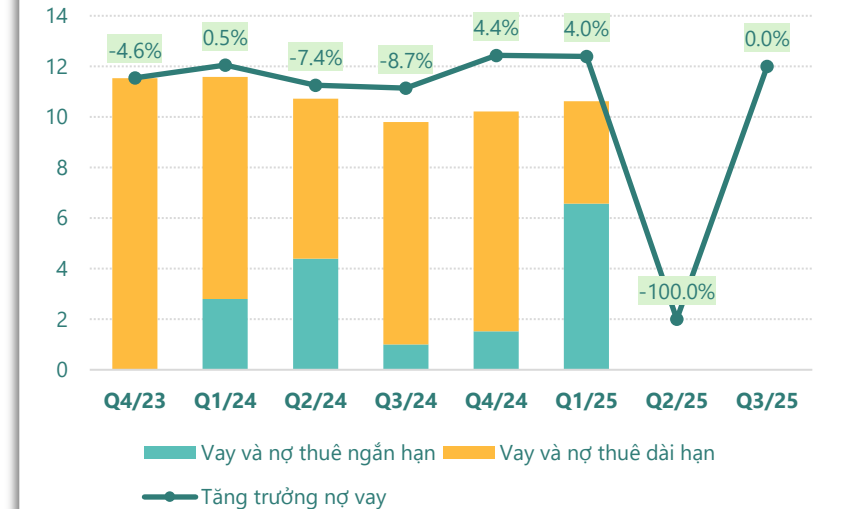
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

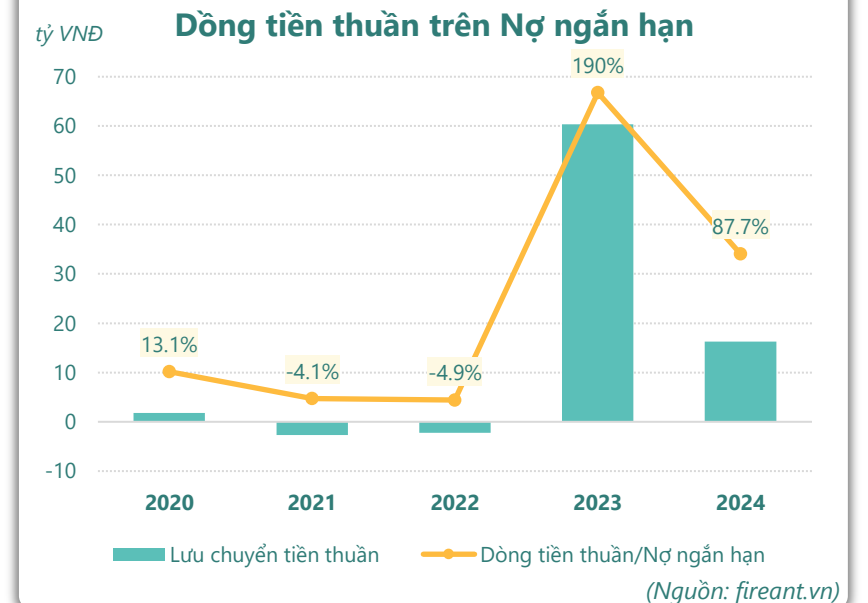
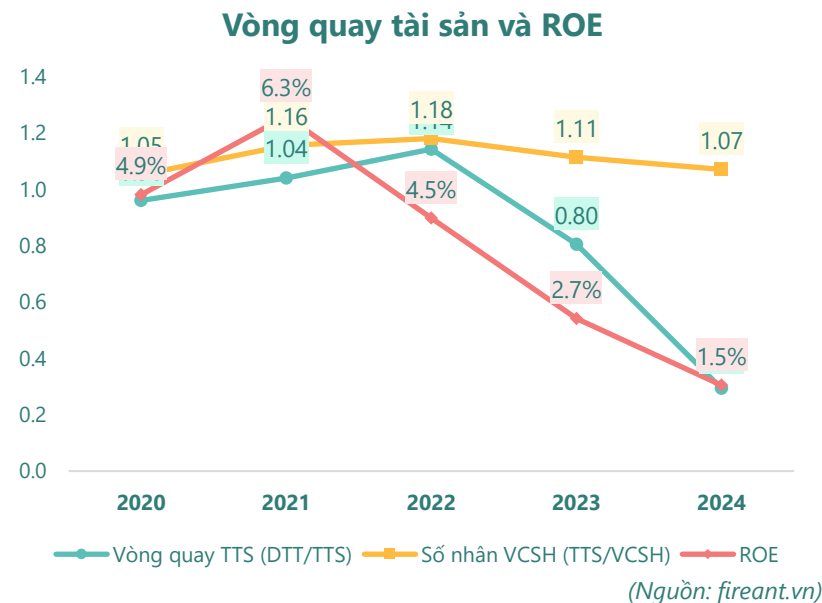
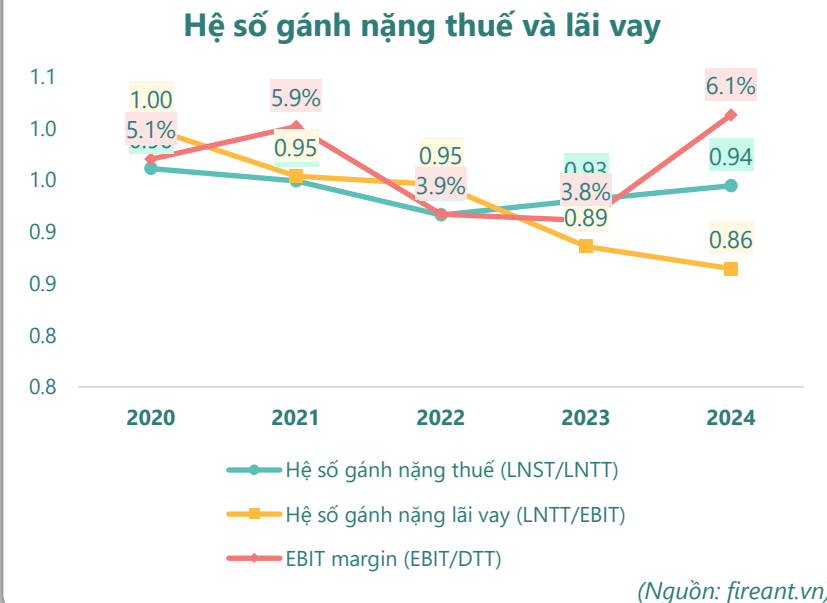
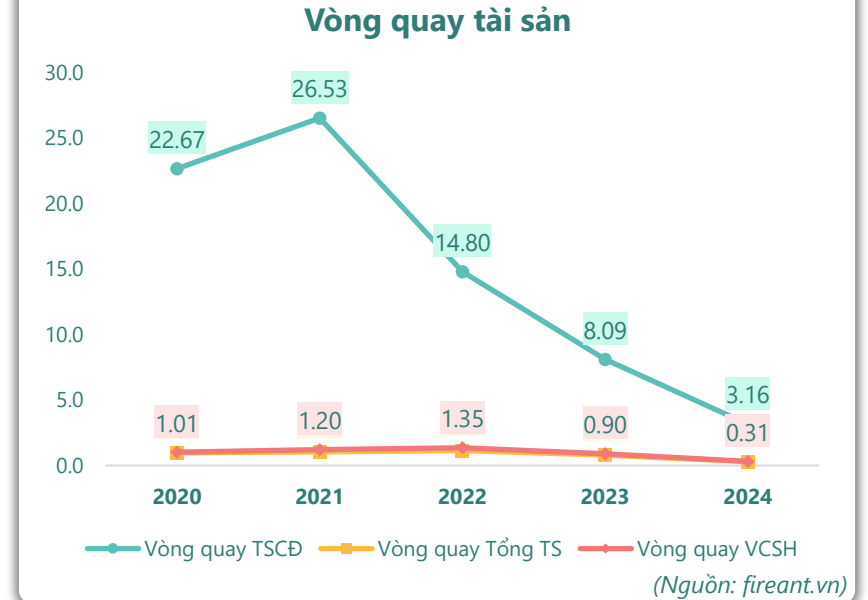
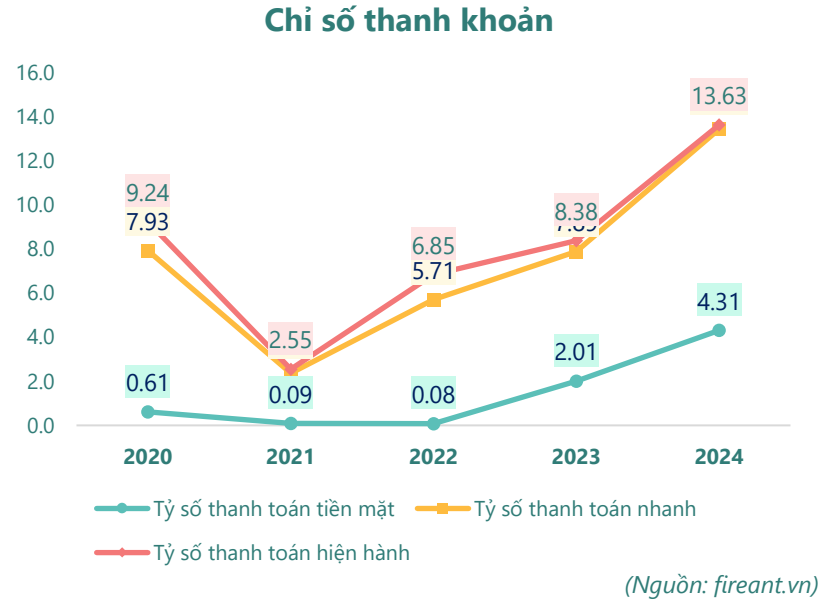
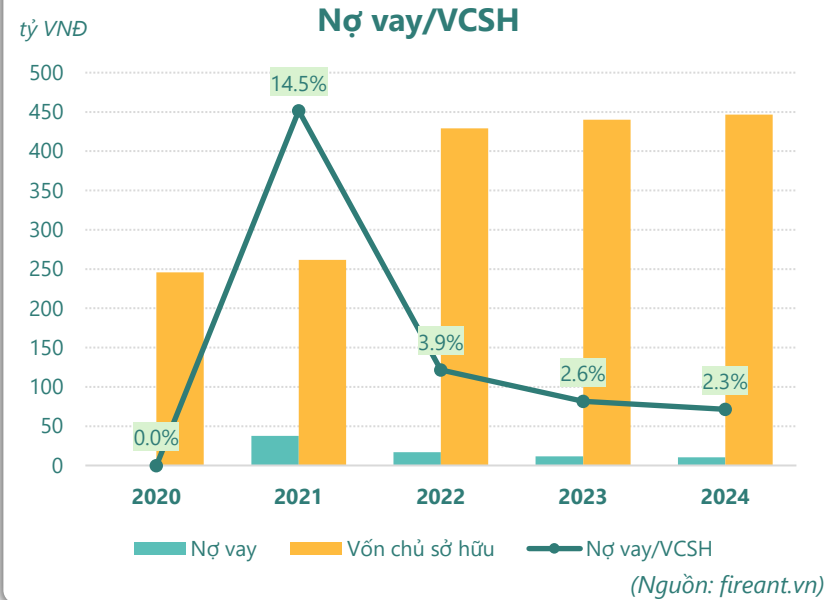
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.3	18.4	-43.9%	46.3	128	-63.9%
Giá vốn hàng bán	10.4	16.7	-37.9%	44.1	119	-62.9%
Lợi nhuận gộp	-0.05	1.72	-103%	2.18	9.15	-76.2%
Doanh thu HĐTC	5.87	0.65	803%	19.4	1.84	957%
Chi phí TC	3.56	0.19	1774%	18.3	0.90	1938%
Chi phí lãi vay	0.03	0.29	-90.1%	0.43	0.90	-52.3%
LN trong công ty LKLD	-0.12	0.02	-691%	-0.09	0.02	-626%
Chi phí bán hàng	0.00	0.18	-98.5%	0.07	1.05	-93.6%
Chi phí QLDN	0.81	0.73	11.0%	2.82	2.53	11.2%
LN thuần từ HĐKD	1.33	1.29	3.3%	0.38	6.52	-94.2%
Lợi nhuận khác	-0.25	0.03	-935%	7.44	0.01	77232%
LN trước thuế	1.08	1.32	-18.1%	7.82	6.53	19.8%
Lợi nhuận sau thuế	0.15	1.29	-88.8%	1.12	6.20	-81.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.21	1.24	-82.7%	1.10	6.02	-81.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.4	64.3	-35.2	-106	35.6	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-63.5	-70.8	101	41.2	-15.1	128
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.86	-0.93	0.38	0.41	-1.93	-8.69
Tiền đầu kỳ	53.1	21.1	13.7	80.1	15.5	34.1
Lưu chuyển tiền thuần	-32.0	-7.39	65.8	-64.7	18.6	11.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.1	13.7	79.6	15.5	34.1	45.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	464	469	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	331	253	30.7%
Tiền và tương đương tiền	45.2	80.1	-43.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.9	60.7	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	230	107	115%
Hàng tồn kho	0	3.50	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	2.15	-98.2%
Tài sản dài hạn	133	216	-38.4%
Phải thu dài hạn	59.0	97.6	-39.5%
Tài sản cố định	0	42.0	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	74.0	74.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.01	2.39	-99.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.5	22.7	-0.9%
Nợ ngắn hạn	22.4	18.6	20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	6.17	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.18	2.84	82.2%
Nợ dài hạn	0.07	4.12	-98.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	4.05	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	447	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	442	447	-1.1%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

